

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định hỗ trợ đầu tư và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 24/1999/NĐ-CP ngày 16/4/1999 của Chính phủ về Quy chế tổ chức huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng của các xã, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, hợp đồng xây dựng - chuyển giao và số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, hợp đồng xây dựng - chuyển giao;

Căn cứ Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tài chính thực hiện phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 và số 56/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số: 13/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 về sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước để tiếp tục thực hiện các chương trình kiên cố hoá kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn giai đoạn 2009-2015;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về quy định hỗ trợ đầu tư và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1185/TTr-SKHĐT ngày 31/8/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "*Quy định hỗ trợ đầu tư và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*".

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1667/2001/QĐ-UB ngày 24/4/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên V/v Ban hành qui chế quản lý và chính sách đầu tư hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 29/4/2009 của UBND tỉnh V/v ban hành Quy định về cơ chế sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2009-2015.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Dương Ngọc Long

QUY ĐỊNH
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/2012/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

a- Quy định này quy định về chính sách hỗ trợ, cơ chế quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng tại các xã, không sử dụng 100% vốn ngân sách nhà nước, nhằm thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b- Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi mục đích sử dụng đất phục vụ xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng khu sản xuất tập trung.

c- Quy định về thực hiện đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (Hợp đồng BT), hình thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không sử dụng 100% vốn ngân sách nhà nước, bao gồm:

- a) Các trục đường giao thông thôn, xóm (gọi chung là xóm); giao thông nội đồng;
- b) Kênh mương nội đồng;
- c) Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn;
- d) Công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất;
- e) Công trình thoát nước thải khu dân cư, thu gom xử lý rác thải, nghĩa trang, vệ sinh môi trường nông thôn;
- f) Công trình chợ xã;
- g) Xây dựng nhà văn hóa xóm; công trình thể thao xóm;

h) Công trình hạ tầng khu sản xuất nông nghiệp tập trung, tiểu thủ công nghiệp.

2. Các hộ dân phải di chuyển chỗ ở đi nơi khác, để thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng, hoặc dành đất thực hiện chuyển đổi mô hình sản xuất, phù hợp với tiêu chí quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được phê duyệt.

3. Đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, BOT: Khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nghiên cứu, đề xuất dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT, BOT, hoặc tham gia đấu thầu thực hiện dự án BT, BOT theo quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN** **NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Thực hiện theo phương thức “*Nhà nước hỗ trợ, nhân dân làm là chính*”: Hàng năm ngân sách nhà nước (Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, ngân sách xã) dành một phần vốn nhất định để hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng các xã nông thôn mới theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không hỗ trợ cho chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng các công trình, địa phương tự giải phóng mặt bằng.

2. Giai đoạn I (2012-2015): Ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng các công trình thuộc 35 xã điểm, trước mắt đầu tư những hạng mục công trình chính. Ưu tiên thanh toán vốn đầu tư cho công trình sử dụng vật liệu xây dựng của các Doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn (vật liệu xây dựng đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn nhà nước qui định).

3. Giai đoạn II (2016-2020): Hoàn thiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng đảm bảo theo tiêu chuẩn ngành qui định và các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của các xã điểm và các xã còn lại.

Điều 4. Định mức hỗ trợ vốn đầu tư

a) Mức vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho từng xã, cho từng công trình áp dụng giai đoạn 2012-2015 như sau:

- Riêng năm 2012: Ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp bằng xi măng để các huyện, thành, thị phân bổ cho các xã xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.

- Từ năm 2013-2015: Ngân sách nhà nước hàng năm hỗ trợ vốn đầu tư bình quân tối thiểu 02 tỉ đồng/ năm/1 xã điểm; tối thiểu 0,6 tỉ đồng/năm/1 xã còn lại (Ngoài kinh phí trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới). Trong đó:

- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% cho các huyện Võ Nhai, Định Hoá, Phú Bình;
- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% cho các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đông Hy;
- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ 60% cho huyện Phổ Yên;
- + Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% cho thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công;

b) Số vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước (*Ngân sách tỉnh; ngân sách huyện, thành, thị; ngân sách xã*) không vượt quá 80% tổng dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*Không tính chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng nếu có*). UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt tỷ lệ hỗ trợ vốn cho từng loại công trình ở từng xã, nhưng không vượt quá mức hỗ trợ quy định trên. Trường hợp đặc biệt thì thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt và báo cáo lại HĐND tại kỳ họp gần nhất.

- Phần vốn còn lại để hoàn thành công trình theo quyết toán được duyệt, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm huy động từ nhân dân vùng hưởng lợi, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn và nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng công trình.

c) Giai đoạn II (2016-2020): Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng xã, từng công trình sẽ ban hành sau.

Điều 5. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Ngân sách tỉnh: Từ nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh. Ưu tiên vốn từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất hàng năm của tỉnh, nguồn vượt thu năm trước của tỉnh, vốn vay tín dụng để hỗ trợ vốn đầu tư cho các huyện, thành phố, thị xã, các xã theo định mức hỗ trợ tại Điều 4 qui định này.

2. Ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện), ngân sách xã: Từ các nguồn vốn thuộc địa phương quản lý.

Điều 6. Trình tự phân bổ vốn

1. Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn hỗ trợ đầu tư cho cấp huyện trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ bản của tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào tình hình ngân sách địa phương phân bổ vốn đầu tư cho các xã, nhưng không thấp hơn định mức qui định tại Điều 4 qui định này.

3. Ủy ban nhân dân các xã căn cứ vào số vốn đầu tư được phân bổ và tình hình ngân sách xã, báo cáo Hội đồng nhân dân xã thông qua kế hoạch phân bổ vốn đầu tư

cho từng công trình theo thứ tự ưu tiên. Danh mục dự án đầu tư phải nằm trong Đề án xây dựng nông thôn mới và phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phải công khai phần vốn huy động đóng góp của nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn để thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

4. Ưu tiên đầu tư xây dựng trước các công trình phục vụ phát triển sản xuất; Công trình phục vụ cộng đồng dân cư lớn, phát huy ngay hiệu quả kinh tế.

Điều 7. Về quản lý đầu tư xây dựng

1. Công tác xây dựng kế hoạch:

- Quy trình xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới cho năm kế hoạch của xã phải được lấy ý kiến của cộng đồng dân cư về danh mục công trình, công trình ưu tiên đầu tư theo từng năm và phải nằm trong Đề án xây dựng nông thôn mới của xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi được Hội đồng Nhân dân xã thông qua, Ban quản lý xã gửi kế hoạch của xã cho Ủy ban nhân dân huyện để tổng hợp, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch chung toàn huyện, gửi cho UBND tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp chung kế hoạch toàn tỉnh, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình toàn tỉnh và gửi cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

- Thời gian xây dựng kế hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã cùng với thời gian xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, huyện, tỉnh hàng năm.

2. Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng thuộc đối tượng áp dụng quy định này là Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, do Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã là Phó Trưởng ban; Thành viên là một số công chức xã, đại diện một số ban, ngành, đoàn thể chính trị xã và trưởng thôn. Thành viên Ban quản lý xã hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Cấp quyết định đầu tư:

Thực hiện theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 10 Chương II của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông

ng nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

4. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:

- Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình:

Thực hiện theo qui định tại điểm a khoản 7 Điều 10 Chương II của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

Riêng đối với các công trình đã có thiết kế mẫu, chủ đầu tư lập dự toán xây dựng theo chính sách tại thời điểm đầu tư để trình phê duyệt (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực mới thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện); đối với công trình không có thiết kế mẫu, chủ đầu tư thuê tư vấn thiết kế, lập dự toán trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Thực hiện theo qui định tại điểm b khoản 7 Điều 10 Chương II của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính.

- Trong quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật phải xác định rõ phân vốn ngân sách hỗ trợ, phân vốn huy động để thực hiện đầu tư xây dựng công trình.

5. Về lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Giám sát hoạt động xây dựng; Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình:

Thực hiện theo qui định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 10 Chương II của Thông tư liên tịch số: 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

Điều 8. Về quản lý cấp phát, thanh, quyết toán vốn đầu tư

Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án (công trình) do Ủy ban nhân dân xã làm chủ đầu tư: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính qui định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Chương III**CƠ CHẾ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC BOT, BT****Điều 9. Cơ chế đầu tư theo hình thức BOT, BT**

1. Khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) và hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng BT), bao gồm:

- a) Công trình Chợ xã.
- b) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.
- c) Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề.
- d) Công trình cấp điện sinh hoạt vùng sâu, vùng xa.

2. Việc thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT được thực hiện theo quy định tại Nghị định số: 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ, Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ; Thông tư số 03/2011/TT-BKH ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số: 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ.

Điều 10. Công bố danh mục dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT

1. Hàng năm, căn cứ vào quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới của các xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT với Ủy ban nhân dân tỉnh. Danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công bố trong tháng 1 hàng năm trên trang thông tin điện tử của tỉnh và Báo Đấu thầu trong 3 số liên tiếp. Trường hợp chưa có Danh mục dự án mới, Ủy ban nhân dân tỉnh công bố lại Danh mục dự án đã công bố trong năm trước.

2. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án ngoài danh mục, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đề bổ sung vào danh mục các dự án BT, BOT theo quy định.

Điều 11. Ký hợp đồng BOT, hợp đồng BT

Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ký hợp đồng với nhà đầu tư xây dựng công trình hạ tầng theo hình thức hợp đồng BOT, BT và thực hiện theo Điều 4 Chương I Thông tư số 03/2011/TT-BKH ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số: 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ.

Điều 12. Thanh toán hợp đồng BT

1. Việc thanh toán cho Nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức BT được thực hiện theo quy định tại Nghị định số: 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ, Nghị định số 24/2011/NĐ-CP ngày 05/4/2011 của Chính phủ; Thông tư số 03/2011/TT-BKH ngày 27/01/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trường hợp thanh toán bằng tiền: Dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BT được thanh toán bằng tiền chỉ áp dụng đối với các dự án đầu tư hạ tầng có nhu cầu cấp bách và ngân sách nhà nước chưa bố trí được vốn đầu tư. Vốn hoàn trả được bố trí trong kế hoạch đầu tư bằng vốn ngân sách cấp huyện.

3. Trường hợp giao dự án khác để nhà đầu tư dự án BT kinh doanh, hoàn vốn thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất với nhà đầu tư lựa chọn dự án đầu tư sản xuất kinh doanh (Trồng rừng sản xuất, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, dự án khu dân cư...) trên địa bàn huyện.

4. Chính sách ưu đãi đầu tư đối với dự án sản xuất kinh doanh hoàn vốn dự án BT, được thực hiện theo quy định về ưu đãi đầu tư hiện hành của nhà nước và của tỉnh.

Chương IV**HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT PHỤC VỤ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ SẢN XUẤT TẬP TRUNG****Điều 13. Hỗ trợ di chuyển chỗ ở**

Các hộ gia đình phải di chuyển chỗ ở đi nơi khác, dành đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, khu sản xuất kinh doanh tập trung theo quy hoạch được duyệt (Khu vực làng nghề, khu sản xuất nông nghiệp tập trung,...), khi di chuyển chỗ ở được hỗ trợ như sau:

a) Các hộ gia đình có đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch được chuyển mục đích sang đất ở, diện tích chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở không lớn hơn hạn mức quy định tại địa phương.

- Tiền sử dụng đất tại vị trí xin chuyển mục đích được xử lý như sau:

+ Trường hợp giá đất ở tại vị trí xin chuyển mục đích không lớn hơn giá đất ở được tính bồi thường thì không phải nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Trường hợp giá đất ở tại vị trí xin chuyển mục đích lớn hơn giá đất ở được tính bồi thường thì người xin chuyển mục đích phải nộp phần chênh lệch lớn hơn vào ngân sách nhà nước.

- Trường hợp diện tích đất nông nghiệp đó lớn hơn hạn mức theo quy định của tỉnh, thì được chuyển mục đích sử dụng theo quy định hạn mức đất ở của tỉnh, phần còn lại thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

b) Trường hợp không có đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch để chuyển mục đích sang đất ở thì được áp dụng cơ chế chính sách tái định cư theo quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện dự án.

c) Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân hiến tặng đất để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, khu sản xuất kinh doanh tập trung. Các hộ sau khi hiến tặng đất được khen thưởng hoặc được ghi vào sổ ghi công đóng góp tại chính quyền địa phương và công trình đó.

Chương V

PHÂN GIAO NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Về phân giao nhiệm vụ

1. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh

Có nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh:

a) Chủ trì và phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo Chính phủ;

b) Đơn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình của các huyện, thành, thị tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh.

c) Tổng hợp các báo cáo theo quy định về Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương và Chính phủ.

d) Hàng năm, có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác xây dựng nông thôn mới của tỉnh và khen thưởng các địa phương thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Là cơ quan chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh, Sở Tài chính và các ngành có liên quan tổng hợp kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình 5 năm, hàng năm và nhu cầu kinh phí chương trình xây dựng nông thôn mới để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương và trình Chính phủ cân đối, phân bổ nguồn lực cho Chương trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển theo định mức hỗ trợ tại Điều 4 (qui định này) để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới theo Quy định của cơ chế này.

b) Căn cứ nguồn vốn ngân sách hàng năm, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế đầu tư và quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh và các ngành có liên quan cân đối vốn từ ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể của Chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

a) Chủ trì, phối hợp với Kho bạc hướng dẫn quy trình thủ tục cấp phát, thanh toán, quyết toán, quản lý vốn đầu tư tại các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, giám sát các nguồn vốn hỗ trợ theo quy định của cơ chế này.

b) Phối hợp với Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu bố trí nguồn vốn Sự nghiệp từ ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể, triển khai theo quy định của Luật Ngân sách để phân bổ theo kế hoạch hàng năm.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành hiện hành, tiêu chí nông thôn mới và quy định của cơ chế hỗ trợ này.

b) Thiết kế mẫu công trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng do xã quản lý.

5. Sở Công - Thương

a) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành hiện hành, tiêu chí nông thôn mới và quy định của cơ chế hỗ trợ này.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế đầu tư các dự án xây dựng công trình chợ, đường điện, hạ tầng tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn xã theo quy định này theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Tham gia ý kiến thiết kế cơ sở các công trình theo chuyên ngành (nếu có).

6. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn các địa phương xây dựng hoàn thành quy hoạch ở các xã theo tiêu chí nông thôn mới. Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.

b) Thiết kế mẫu các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới của xã gồm: Trường học; trạm y tế xã; nhà văn hóa xã, thôn; trụ sở xã; chợ xã; khu thu gom rác thải.

7. Sở Giao thông Vận tải

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chất lượng xây dựng đường giao thông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã và hệ thống giao thông trên địa bàn xã theo tiêu chuẩn ngành và tiêu chí nông thôn mới.

b) Thiết kế mẫu công trình đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng để các xã triển khai thực hiện.

8. Các Sở, ngành liên quan

Các sở: Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Thông tin - Truyền thông, Khoa học và Công nghệ:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các xã thực hiện theo tiêu chí nông thôn mới của ngành và Quy định của cơ chế hỗ trợ này.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới thực hiện lồng ghép các nguồn vốn do ngành quản lý, để bố trí kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ bản các công trình, dự án theo tiêu chí nông thôn mới.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phổ biến, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ đầu tư của tỉnh đến cấp xã, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

b) Làm chủ quản đầu tư và chủ đầu tư, tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, theo qui định tại qui định này và theo quy định hiện hành.

c) Tổng hợp các nguồn lực trên địa bàn, cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm do các huyện, thành phố, thị xã quản lý để hỗ trợ các xã theo quy định và kế hoạch.

d) Tổng hợp kết quả, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn theo kế hoạch của Đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

e) Tổng hợp các báo cáo thực hiện chương trình trên địa bàn về Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan theo quy định.

f) Định kỳ 6 tháng, 1 năm Ủy ban nhân dân cấp huyện có sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới thuộc địa phương mình để đúc rút kinh nghiệm, đồng thời có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời các xã làm tốt việc huy động các nguồn lực trong nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phổ biến, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ đầu tư của tỉnh, (của cấp huyện nếu có) đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã; phát động phong trào thi đua, động viên nhân dân đóng góp và huy động các nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn để thực hiện xây dựng nông thôn mới theo đề án, dự án được duyệt.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Cân đối nguồn vốn ngân sách xã; Huy động đóng góp của nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp để tổ chức thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới theo Quy định này và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

c) Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới định kỳ theo quy định.

11. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có văn bản của cấp trên thay thế thì việc tổ chức thực hiện được thực hiện theo văn bản đó, ngoài ra trong quá trình triển khai có gì vướng mắc, các ngành, các địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Dương Ngọc Long